

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2023

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.
2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc B, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 4 (tổ 5 cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Công H, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 4 (tổ 5 cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Công H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến giữa năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình cảm và lối sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và tranh chấp trong một thời gian dài. Từ năm 2020 chị chuyển ra ngoài ở cùng con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến năm 2021 chị được biết anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Công H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung do anh H đang ở nước ngoài, sau này anh H về nước chị và anh H sẽ thỏa thuận lại về việc nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu.

Về cấp dưỡng: Chị đề nghị anh H cấp dưỡng cho cháu T là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Lê Huyền T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh Lê Công H – Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, gia đình có thông tin cho anh H được biết việc chị B đang yêu cầu xin ly hôn với anh. Anh H có thông tin về cho gia đình trao đổi với nội dung sau: *“Về quan hệ hôn nhân anh H xác định anh và chị B có mâu thuẫn. Về việc chị B xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017. Hiện nay do chị B đang đi làm ở Hà Nội nên cháu T chủ yếu sống cùng bà nội và bà ngoại thỉnh thoảng đón cháu về, do gia đình hai bà nhà gần nhau. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu T, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không đề nghị.*

Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh trên những ý kiến anh đã trình bày”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc B, cho chị B được ly hôn với anh Lê Công H; Giao cháu Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị B là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 6959/QLXNC-P5 ngày 30/3/2023 của Cục Q – Bộ C xác định công dân Lê Công H đã xuất cảnh ngày 17/02/2021 qua C1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc B chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là bà Nguyễn Thị B1 (mẹ đẻ anh H), có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H và anh H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án có yêu cầu thân nhân của anh H cung cấp địa chỉ của anh H

hiện nay ở nước ngoài nhưng gia đình anh H không có địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan để cung cấp cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Phạm Ngọc B và anh Lê Công H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị B khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến giữa năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình cảm và lối sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và tranh chấp trong một thời gian dài. Từ năm 2020 chị chuyển ra ngoài ở cùng con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến năm 2021 chị được biết anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Phía bị đơn anh Lê Công H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ đẻ anh H) xác định vợ chồng chị B và anh H có mâu thuẫn, không thể hòa giải. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, chị B xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị B và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị B và anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị B thể hiện quan điểm tha thiết xin được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/tháng cho cháu đến khi trưởng thành. Thông qua ý kiến của anh H trao đổi lại với thân nhân trong nước của anh, thể hiện quan điểm anh xin được nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay anh H đang ở nước ngoài và cháu T là con gái còn nhỏ tuổi nên cần có sự quan tâm, chăm sóc tỉ mỉ của

người mẹ. Do vậy đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị B, mức cấp dưỡng theo điều kiện thực tế của các đương sự là 1.500.000 đồng/tháng cho con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định không yêu cầu giải quyết. Phía anh H cũng có lời khai thể hiện không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Ngọc B. Chị Phạm Ngọc B được ly hôn với anh Lê Công H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Huyền T, sinh ngày 22/3/2017 cho chị Phạm Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Công H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị B, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng cho con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000246 ngày 12/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Lê Công H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để sung quỹ Nhà nước.

Chị Phạm Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, anh Lê Công H được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường Tân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy